



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 1256/ GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 0100364579 ngày 10 tháng 4 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 21 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 10 tháng 4 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch
	Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch
	Ông Hoàng Việt Hà	Phó Chủ tịch (đến ngày 19/3/2015)
	Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
	Ông David Đỗ	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
	Ông Phạm Việt Giang	Thành viên
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên (từ ngày 18/4/2015)	

Ban Giám đốc	Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký 152 Thụy Khuê
Quận Tây Hồ, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

03/1/2015
CỔ Đ
ÁP
H

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28 -08- 2015

45
T
HÀ
ĐC
IP

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 39. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán của chúng tôi ngày 31 tháng 3 năm 2015 về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do các ảnh hưởng của các điều chỉnh có thể là cần thiết nếu chúng tôi có thể xác định được khả năng thu hồi các khoản phải thu từ Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”) với giá trị ghi sổ thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7,1 tỷ VND (khoản phải thu khách hàng có giá trị là 20,9 tỷ VND trừ đi dự phòng phải thu khó đòi là 13,8 tỷ VND). Do số dư hiện hành được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng có nội dung ngoại trừ do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đối với kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn này cũng như các ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm này.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi với giá trị là 5,5 tỷ VND cho khoản phải thu khách hàng từ HIPT Mobile này với giá trị ghi sổ thuần còn lại là 1,6 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục soát xét phù hợp để xác định khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem có cần thực hiện các điều chỉnh đối với dự phòng phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế thu nhập, lỗ thuần và lỗ lũy kế tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào một số công ty liên doanh, liên kết và một đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ là 12,8 tỷ VND và trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 2 tỷ VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp về khả năng thu hồi của khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 vì chúng tôi không được tiếp cận với các chứng từ và sổ sách kế toán của các công ty này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập, lỗ thuần và lỗ lũy kế tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-146/1



Dành Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		485.609.245.564	489.546.051.899
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.060.274.560	115.805.447.115
Tiền	111		19.010.274.560	9.645.447.115
Các khoản tương đương tiền	112		25.050.000.000	106.160.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.000.000.000	72.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		262.247.257.452	237.911.330.983
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	61.622.053.613	118.266.474.453
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.589.196.727	4.317.668.553
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	120.085.669.853	109.921.029.029
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		306.197.158	782.349.889
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	86.045.578.855	23.472.858.409
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(24.401.438.754)	(18.849.049.350)
Hàng tồn kho	140	11	101.852.140.827	63.818.442.369
Hàng tồn kho	141		102.291.358.898	64.257.660.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(439.218.071)	(439.218.071)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.449.572.725	10.831.432
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		381.929.012	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.832.361.960	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		235.281.753	10.831.432
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		141.997.347.566	143.058.613.552
Tài sản cố định	220		37.124.151.342	38.720.176.697
Tài sản cố định hữu hình	221	12	33.496.254.341	34.754.902.590
Nguyên giá	222		62.241.135.239	61.386.908.535
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.744.880.898)	(26.632.005.945)
Tài sản cố định vô hình	227	13	3.627.897.001	3.965.274.107
Nguyên giá	228		6.842.634.903	6.842.634.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.214.737.902)	(2.877.360.796)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.061.584.741	10.110.512.947
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	14	11.061.584.741	10.110.512.947
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	92.283.261.279	93.661.481.390
Đầu tư vào công ty con	251		84.993.570.000	85.869.715.865
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		23.000.000.000	23.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.076.544.944	15.076.544.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.786.853.665)	(30.284.779.419)
Tài sản dài hạn khác	260		1.528.350.204	566.442.518
Chi phí trả trước dài hạn	261		381.929.011	566.442.518
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	815.879.813	-
Tài sản dài hạn khác	268		330.541.380	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		627.606.593.130	632.604.665.451
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		266.399.530.764	249.808.049.380
Nợ ngắn hạn	310		245.399.348.041	228.195.720.000
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	54.311.038.743	96.058.695.465
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.802.426.912	33.931.306.499
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	20.940.412	2.098.388.665
Phải trả người lao động	314		156.226.589	3.329.808.885
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.916.399.103	6.174.081.979
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.474.049.946	2.043.064.686
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	82.928.266.336	81.380.373.821
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	49.790.000.000	3.180.000.000
Nợ dài hạn	330		21.000.182.723	21.612.329.380
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	19.581.311.707	20.286.707.964
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	832.249.600	739.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		586.621.416	586.621.416

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		361.207.062.366	382.796.616.071
Vốn chủ sở hữu	410	22	361.207.062.366	382.796.616.071
Vốn cổ phần	411	23	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(16.891.275.032)	(16.891.275.032)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	19.628.990.984	19.628.990.984
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.358.423.586)	18.231.130.119
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		869.052.517	13.212.775.388
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.227.476.103)	5.018.354.731
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		627.606.593.130	632.604.665.451

28 -00- 2015

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	143.478.623.035	171.578.205.600
Giá vốn hàng bán	11	28	114.856.801.397	143.611.375.126
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		28.621.821.638	27.966.830.474
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.935.712.685	3.263.285.136
Chi phí tài chính	22	30	2.038.242.816	2.032.197.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>498.552.723</i>	<i>1.536.288.673</i>
Chi phí bán hàng	25	31	14.165.651.449	15.311.933.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	20.050.824.630	15.398.258.180
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(5.697.184.572)	(1.512.273.279)
Thu nhập khác	31	33	902.055.575	1.647.932.170
Chi phí khác	32		248.226.919	77.840.118
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		653.828.656	1.570.092.052
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.043.355.916)	57.818.773
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	-	39.702.389
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(815.879.813)	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(4.227.476.103)	18.116.384


28-06-2015

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng




Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(5.043.355.916)	57.818.773
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.450.252.059	2.521.754.266
Các khoản dự phòng	03		6.930.609.515	1.841.060.596
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.806.636.221)	(5.400.328.133)
Chi phí lãi vay	06		498.552.723	1.536.288.673
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.029.422.160	556.594.175
Biến động các khoản phải thu	09		(35.275.669.534)	7.831.490.656
Biến động hàng tồn kho	10		(38.984.770.252)	36.932.657.054
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(29.962.660.478)	(69.771.676.880)
Biến động chi phí trả trước	12		(197.415.505)	505.323.977
			(101.391.093.609)	(23.945.611.018)
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.261.473)	(1.536.288.673)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.327.186.092)	(967.040.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.765.541.174)	(26.448.940.436)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(34.190.000)	(35.870.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.806.636.221	652.172.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.772.446.221	616.302.416

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		88.221.366.870	65.917.951.572
Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.611.366.870)	(82.562.927.379)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.362.077.602)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.247.922.398	(16.644.975.807)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(71.745.172.555)	(42.477.613.827)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5	115.805.447.115	45.649.220.171
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	44.060.274.560	3.171.606.344

28 -08- 2015

Người lập:

Nguyễn Hải Yên
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởngPhạm Việt Giang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 121 nhân viên (1/1/2015: 124 nhân viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(a)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hợp đồng xây dựng dở dang

Hợp đồng xây dựng dở dang thể hiện giá trị hợp đồng dở dang phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về công nghệ thông tin tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông, các công ty con và các công ty liên kết của Công ty và các cổ đông này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	3.091.103.400	363.256.809
Tiền gửi ngân hàng	15.919.171.160	9.282.190.306
Các khoản tương đương tiền	25.050.000.000	106.160.000.000
	<hr/>	<hr/>
	44.060.274.560	115.805.447.115
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72.000 triệu VND như một sự đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu. Theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang các bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Khoản tiền đầu tư cho số cổ phiếu của Ngân hàng Bảo Việt trị giá 72.000 triệu VND vẫn đang được ghi nhận là khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày báo cáo và khoản tạm ứng đã nhận được ghi vào khoản mục phải trả khác (Thuyết minh 20).

Công ty không xác định giá trị hợp lý của đầu tư chứng khoán kinh doanh này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	30/6/2015			1/1/2015			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:									
▪ Công ty con									
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT (*)	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	100%	876.145.865	(786.054.633)	90.091.232
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	10.000.000.000	(2.955.765.988)	7.044.234.012	100%	10.000.000.000	(3.054.174.597)	6.945.825.403
- Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	2.000.000.000	-	2.000.000.000	100%	2.000.000.000	-	2.000.000.000
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	50.000.000.000	-	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	78%	2.293.570.000	(2.293.570.000)	-	78%	2.293.570.000	(2.293.570.000)	-
- Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	10.700.000.000	(4.788.775.221)	5.911.224.779	100%	10.700.000.000	(3.831.445.117)	6.868.554.883
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	100%	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
			84.993.570.000	(20.038.111.209)	64.955.458.791		85.869.715.865	(19.965.244.347)	65.904.471.518
▪ Công ty liên kết									
- Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-	25%	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	2.500.000.000	(820.856.243)	1.679.143.757	35%	2.500.000.000	(820.856.243)	1.679.143.757
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	800.000.000	-	800.000.000	27%	800.000.000	-	800.000.000
- Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	32%	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	%	30/6/2015			1/1/2015			
			sở hữu và biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	sở hữu và biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	12.000.000.000	-	12.000.000.000	22%	12.000.000.000	-	12.000.000.000
▪ Công ty liên doanh									
- Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	2.000.000.000	(1.203.411.365)	796.588.635	50%	2.000.000.000	(1.203.411.365)	796.588.635
			23.000.000.000	(7.724.267.608)	15.275.732.392		23.000.000.000	(7.724.267.608)	15.275.732.392
▪ Đơn vị khác									
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến M-Service	Hà Nội, Việt Nam	13%	8.312.500.000	-	8.312.500.000	13%	8.312.500.000	-	8.312.500.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	8%	6.764.044.944	(3.024.474.848)	3.739.570.096	8%	6.764.044.944	(2.595.267.464)	4.168.777.480
			15.076.544.944	(3.024.474.848)	12.052.070.096		15.076.544.944	(2.595.267.464)	12.481.277.480
			123.070.114.944	(30.786.853.665)	92.283.261.279		123.946.260.809	(30.284.779.419)	93.661.481.390

(*) Ngày 8 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định giải thể Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT do hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Theo đó, Công ty sẽ thu hồi lại vốn đã góp vào công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các thủ tục giải thể công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT đã hoàn tất và Công ty đã nhận lại toàn bộ số vốn đã góp vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT là 20.763 triệu VND.

Ngoài các công ty con cấp 1 trên, Công ty còn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao, một công ty cấp 2 có 55% vốn sở hữu thuộc về Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT, một công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.211.202.156	20.211.202.156
Tổng cục Cảnh sát Quản lý hậu cần về trật tự, an toàn xã hội, Bộ Công An, Việt Nam	10.773.797.642	50.245.763.792
Các khách hàng khác	30.637.053.815	47.809.508.505
	<hr/>	<hr/>
	61.622.053.613	118.266.474.453
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu kỳ/năm	109.921.029.029	139.135.555.457
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong kỳ/năm	14.416.562.439	141.117.091.772
	<hr/>	<hr/>
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ/năm	124.337.591.468	280.252.647.229
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(4.251.921.615)	(170.331.618.200)
	<hr/>	<hr/>
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	120.085.669.853	109.921.029.029
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	2.934.567.835	2.088.933.363
Các khoản phải thu khác từ các công ty liên quan	4.154.856.598	4.150.626.598
Tạm ứng cho nhân viên (*)	78.030.177.899	15.775.539.433
Ký cược, ký quỹ	330.541.380	481.304.000
Phải thu khác	595.435.143	976.455.015
	<hr/>	<hr/>
	86.045.578.855	23.472.858.409

(*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Công ty và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 18.024 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2015: 9.201 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH HIPT Mobile	2-3 năm Trên 3 năm	5.279.580.663	(3.695.706.464)	1.583.874.199	1-2 năm	5.279.580.663	(2.639.790.332)	2.639.790.332
Khác	2-3 năm	14.906.241.248	(14.906.241.248)	-	2-3 năm	14.906.241.248	(10.434.368.874)	4.471.872.374
		5.809.061.341	(5.799.491.042)	9.570.300	1-2 năm	5.793.918.098	(5.774.890.144)	19.027.954
		<u>25.994.883.252</u>	<u>(24.401.438.754)</u>	<u>1.593.444.499</u>		<u>25.979.740.009</u>	<u>(18.849.049.350)</u>	<u>7.130.690.660</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	(24.401.438.754)	(18.849.049.350)
--------------------------------------	------------------	------------------

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Dự phòng VND Đã phân loại lại
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	22.041.998.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.161.867.405	-	15.808.025.484	-
Hàng hóa	40.571.494.047	(439.218.071)	25.849.639.510	(439.218.071)
Hàng gửi đi bán	557.997.446	-	557.997.446	-
	102.291.358.898	(439.218.071)	64.257.660.440	(439.218.071)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 490 triệu VND hàng hóa (1/1/2015: 490 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	40.849.504.796	4.121.532.813	294.294.226	16.121.576.700	61.386.908.535
Tăng trong kỳ	-	-	-	854.226.704	854.226.704
Số dư cuối kỳ	40.849.504.796	4.121.532.813	294.294.226	16.975.803.404	62.241.135.239
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	9.291.463.421	4.121.532.813	137.571.336	13.081.438.375	26.632.005.945
Khấu hao trong kỳ	1.021.382.670	-	20.437.100	1.071.055.183	2.112.874.953
Số dư cuối kỳ	10.312.846.091	4.121.532.813	158.008.436	14.152.493.558	28.744.880.898
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	31.558.041.375	-	156.722.890	3.040.138.325	34.754.902.590
Số dư cuối kỳ	30.536.658.705	-	136.285.790	2.823.309.846	33.496.254.341

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 23.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 19). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành, tuy nhiên, Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong những năm trước, Công ty đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại của khu nhà thấp tầng này.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 10.688 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 9.340 triệu VND).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.926.442.619	2.916.192.284	6.842.634.903
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.570.577.051	1.306.783.745	2.877.360.796
Khấu hao trong kỳ	78.528.852	258.848.254	337.377.106
Số dư cuối kỳ	1.649.105.903	1.565.631.999	3.214.737.902
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.355.865.568	1.609.408.539	3.965.274.107
Số dư cuối kỳ	2.277.336.716	1.350.560.285	3.627.897.001

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 195 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	30/6/2015 Giá gốc VND	1/1/2015 Giá gốc VND Đã phân loại lại
Dự án Thiết lập phần mềm quản lý dân cư	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án Xây dựng phần mềm phân tích dự báo kinh tế, đào tạo cán bộ phát triển phần mềm và cán bộ quản trị phần mềm - Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5.693.012.014	5.110.512.947
Dự án khác	368.572.727	-
	<hr/>	
	11.061.584.741	10.110.512.947
	<hr/>	

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án dài hạn được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn. Thời gian thực hiện các dự án này dài hơn chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty do đặc thù triển khai nhiều giai đoạn của các dự án. Ban Giám đốc đánh giá có thể thu hồi được toàn bộ các chi phí sản xuất kinh doanh đã phát sinh của các dự án này.

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	22%	815.879.813	-
		<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Ingram Micro Asia Co., Ltd.	24.971.195.155	829.103.904
Công ty Cổ phần Công nghệ Elite – Chi nhánh Hà Nội	9.775.373.691	159.238.040
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FSE – FPT	-	17.430.437.000
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn công nghệ HIPT	-	46.400.136.932
Các nhà cung cấp khác	19.564.469.897	31.239.779.589
	<hr/>	<hr/>
	54.311.038.743	96.058.695.465
	<hr/>	<hr/>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công ty con		
▪ Công ty CP Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	22.000.000	22.000.000
▪ Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	-	46.400.136.932
▪ Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	-	1.325.183.863
	<hr/>	<hr/>
	22.000.000	47.747.320.795
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2015	1/1/2015
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công ty Viễn thông liên tỉnh – Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	1.233.292.000	1.233.292.000
Công ty TNHH Tin học Minh Hà	582.785.114	582.785.114
Các nhà cung cấp khác	385.950.550	385.950.550
	2.202.027.664	2.202.027.664

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	647.388.444	2.395.478.889	(3.042.867.333)	-
Thuế xuất nhập khẩu	556.645	276.165	(556.645)	276.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.327.186.092	-	(1.327.186.092)	-
Thuế thu nhập cá nhân	123.257.484	1.139.271.818	(1.241.865.055)	20.664.247
	2.098.388.665	3.535.026.872	(5.612.475.125)	20.940.412

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	2.916.399.103	6.085.209.866
Các khoản trích trước khác	-	88.872.113
	2.916.399.103	6.174.081.979

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Doanh thu nhận trước	21.055.361.653	22.329.772.650
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.474.049.946	2.043.064.686
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19.581.311.707	20.286.707.964

19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu nhận trước là số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 12), và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của khu nhà thấp tầng này là 18 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

20. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Bảo Việt (Thuyết minh 6(a))	72.000.000.000	72.000.000.000
Phải trả cho một bên liên quan	4.862.011.119	3.878.883.119
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	2.656.280.900
Lãi vay phải trả	451.291.250	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.958.683.067	2.845.209.802
	82.928.266.336	81.380.373.821

(*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - để cải đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	332.249.600	205.000.000
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	500.000.000	534.000.000
	832.249.600	739.000.000

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả các công ty liên quan khác	5.313.302.369	3.878.883.119

Khoản phải trả khác đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi yêu cầu.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2015	Biến động trong kỳ		30/6/2015
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	3.180.000.000	88.221.366.870	(41.611.366.870)	49.790.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay từ công ty liên quan	VND	0%	49.790.000.000	3.180.000.000

Khoản vay từ công ty liên quan không được đảm bảo và phải trả khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	(Lỗi lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	13.212.775.388	377.778.261.340
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	18.116.384	18.116.384
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	13.230.891.772	377.796.377.724
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - Đã phân loại lại	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	19.628.990.984	-	18.231.130.119	382.796.616.071
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã báo cáo trước đây</i>	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	18.231.130.119	382.796.616.071
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 36)</i>	-	-	-	6.840.705.686	(6.840.705.686)	-	-
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(4.227.476.103)	(4.227.476.103)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(17.362.077.602)	(17.362.077.602)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	19.628.990.984	-	(3.358.423.586)	361.207.062.366

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015 và 1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(856.433)	(16.891.275.032)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.702.597	208.699.024.968

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 17.362 triệu VND, tương đương 800 VND trên một cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: Không).

25. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

		30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND		Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.208	25.924.205		83.139	1.767.134.328

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Bán hàng	107.936.990.348	111.025.151.427
Cung cấp dịch vụ	33.032.037.122	59.461.867.564
Cho thuê bất động sản đầu tư	2.509.595.565	1.091.186.609
	<u>143.478.623.035</u>	<u>171.578.205.600</u>

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Hàng hoá đã bán	82.809.517.922	97.151.531.815
Dịch vụ đã cung ứng	31.440.957.477	45.853.517.313
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	606.325.998	606.325.998
	<u>114.856.801.397</u>	<u>143.611.375.126</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.201.736.221	167.579.016
Cổ tức được chia	604.900.000	3.020.540.597
Lãi chênh lệch tỷ giá	129.076.464	75.165.523
	<hr/>	<hr/>
	1.935.712.685	3.263.285.136
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	498.552.723	1.536.288.673
Lỗ chênh lệch tỷ giá	87.419.774	144.257.820
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.378.220.111	351.651.188
Chi phí tài chính khác	74.050.208	-
	<hr/>	<hr/>
	2.038.242.816	2.032.197.681
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.971.491.765	11.421.905.446
Chi phí triển khai dự án	4.192.522.711	483.066.703
Chi phí bán hàng khác	3.001.636.973	3.406.960.879
	<hr/>	<hr/>
	14.165.651.449	15.311.933.028
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.359.238.426	7.506.196.057
Chi phí khấu hao	1.809.059.521	2.468.480.398
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.552.389.404	1.949.077.393
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.330.137.279	3.474.504.332
	<hr/>	<hr/>
	20.050.824.630	15.398.258.180
	<hr/>	<hr/>

33. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Giảm giá từ nhà cung cấp	396.429.595	904.373.024
Các khoản khác	505.625.980	743.559.146
	<hr/>	<hr/>
	902.055.575	1.647.932.170
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	151.255.294.549	103.872.908.206
Chi phí nhân công	13.330.730.191	16.261.102.774
Chi phí khấu hao	2.450.252.059	2.521.754.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.481.984.224	1.149.537.018
Chi phí khác	18.539.786.705	13.453.793.683
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	39.702.389
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(815.879.813)	-
	(815.879.813)	39.702.389
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập	(815.879.813)	39.702.389

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.043.355.916)	57.818.773
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.109.538.302)	12.720.130
Chi phí không được khấu trừ thuế	426.736.489	691.501.190
Thu nhập không bị tính thuế	(133.078.000)	(664.518.931)
	(815.879.813)	39.702.389
	(815.879.813)	39.702.389

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các công ty con		
<i>Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT</i>		
Bán hàng hóa	-	2.622.027
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	49.391.195
Vay ngắn hạn	46.610.000.000	-
Chi phí lãi vay	451.291.250	-
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	318.750.000
<i>Công ty TNHH Hệ thống dịch vụ công nghệ HIPT</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	700.000	45.954.988
<i>Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	16.259.608
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.253.467.657	9.060.911.287
Chuyển lợi nhuận	-	2.535.947.198
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	604.900.000	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.142.724.406	3.736.705.115
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	1.342.500.000	1.510.973.510
Tạm ứng	8.683.082.731	3.583.445.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	782.349.889	-
Phải thu ngắn hạn khác	23.472.858.409	7.986.457.848
Tài sản ngắn hạn khác	-	16.256.843.433
Tài sản dài hạn khác	-	11.907.017
Hàng tồn kho	64.257.660.440	74.368.173.387
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	10.110.512.947	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.043.064.686	-
Phải trả ngắn hạn khác	81.380.373.821	83.423.438.507
Quỹ dự phòng tài chính	-	6.840.705.686
Quỹ đầu tư phát triển	19.628.990.984	12.788.285.298

28 -08- 2015

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán

Người duyệt:



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
HIPT
S.Đ.Κ.K.D: 0100364579 - C.T.P
Q. TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc